

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động**  
**của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc thống nhất cho phép chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam sang mô hình hoạt động công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại Tờ trình số 256/TTr-LMHTX ngày 27/10/2023 và Công văn số 287/CV-LMHTX ngày 27/11/2023 (kèm theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 3816/STC-DN ngày 23/11/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3211/SKHĐT-KTN ngày 13/11/2023, Sở Nội vụ tại Công văn số 2553/SNV-TCBC ngày 17/11/2023, Sở Tư pháp tại Công văn số 2954/STP-VBTT ngày 21/11/2023, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Nam tại Công văn số 1048/QNA-THNS&KSNB ngày 15/11/2023).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam, gồm: 06 Chương, 51 Điều.

*(Chi tiết nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động đính kèm theo)*

**Điều 2.** Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Ban điều hành, cán bộ, nhân viên Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm chấp hành hoạt động theo Điều lệ này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Nam, Chủ tịch và Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3533/QĐ- UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế cho vay; Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Quảng Nam./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Quang Bửu**

**ĐIỀU LỆ****Tổ chức và hoạt động**

**Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb /QĐ-UBND  
ngày #nbh tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân**

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Nam và được chuyển đổi mô hình hoạt động theo Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt nam theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính**

1. Tên gọi:

a) Tên gọi bằng tiếng Việt: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Nam

b) Tên gọi tắt: Quỹ hợp tác xã tỉnh hoặc Quỹ.

c) Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Quang Nam Co-operative Assistance Fund, tên viết tắt là: (CAF Quang Nam).

2. Trụ sở chính: Tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

a) Điện thoại: 0235 3810444; 0235 3837111.

b) Email: quyhotrohtxqnam@gmail.com.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Quỹ Trung ương*” là Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

2. “*Nghị định số 45/2021/NĐ-CP*” là Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3. “*Khách hàng*” là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã được cho vay của Quỹ hợp tác xã.

4. “*Cho vay*” là việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

5. “*Vốn điều lệ thực có*” được xác định bằng mức vốn điều lệ trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm.

6. “*Cơ cấu lại thời hạn trả nợ*” là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ* là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận), thời gian cho vay không đổi;

b) *Gia hạn nợ* là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thoả thuận.

7. “*Nợ xấu*” là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5 theo quy định về phân loại nợ của Quỹ.

8. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác trong quan hệ vay vốn đối với Quỹ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên và thành viên của hợp tác xã thành viên và ngược lại;

b) Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại;

c) Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.

9. “*Người quản lý Quỹ*” là Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

10. Thành viên tổ hợp tác phải đáp ứng Điều 7 Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của chính phủ về Tổ hợp tác.

11. Thành viên hợp tác xã phải đáp ứng Điều 13 Luật hợp tác xã năm 2012.

12. Hợp tác xã viết tắt là: HTX; tổ hợp tác viết tắt là: THT; liên hiệp hợp tác xã viết tắt là: LHHTX.

#### **Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ**

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước giao để hỗ trợ cho kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh theo đúng sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đóng góp tự nguyện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, giúp đỡ, hỗ trợ cho kinh tế tập thể.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

4. Chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý tài chính và tiền tệ, bảo đảm tiền vay.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

### **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ**

1. Tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, không vì mục tiêu lợi nhuận, vì mục tiêu phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, đồng thời bảo toàn và phát triển vốn.

2. Cho vay đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế cho vay của Quỹ.

### **Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ**

1. Trách nhiệm của Quỹ:

a) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kiểm tra, giám sát của Liên minh hợp tác xã tỉnh;

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính và tình hình hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

e) Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Quỹ;

g) Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, quy định về tổ chức quản trị và hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

2. Quyền hạn của Quỹ:

a) Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ;

b) Được lựa chọn khách hàng đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều lệ này để thực hiện cho vay theo quy định tại Quy chế cho vay của Quỹ;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối mọi yêu cầu của cá nhân hoặc tổ chức về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## **Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ hoạt động theo quy định Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ hoạt động theo quy định Hiến pháp, pháp luật và quy định của các tổ chức đó.
3. Quỹ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện khác để tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội sinh hoạt theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức.

## **Chương II**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH QUẢNG NAM**

#### **Mục 1**

#### **HOẠT ĐỘNG CHO VAY**

#### **Điều 8. Đối tượng và phạm vi cho vay**

1. Đối tượng cho vay của Quỹ là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã ( trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp);
2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trên phạm vi tỉnh Quảng Nam.

#### **Điều 9. Nguyên tắc cho vay**

1. Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo hợp đồng giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.
2. Khách hàng vay vốn của Quỹ đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích, phải hoàn trả nợ gốc và lãi vay đúng thời hạn đã thoả thuận với Quỹ.

#### **Điều 10. Điều kiện cho vay**

Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 8, Điều lệ này.
2. Pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Cá nhân phải đủ từ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.
3. Có phương án sử dụng vốn vay khả thi; có khả năng tài chính để trả nợ.
4. Thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều lệ này.
5. Có vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh.
6. Tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên, khách hàng không có nợ xấu tại Quỹ và các tổ chức tín dụng.

### **Điều 11. Thời hạn cho vay**

Quỹ xem xét quyết định cho khách hàng vay như sau:

1. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay tối đa 01 năm.
2. Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 năm và tối đa 05 năm.
3. Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay không quá 10 năm.
4. Căn cứ vào chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng nguồn vốn của Quỹ; Quỹ xem xét, quyết định thời hạn cho vay.

### **Điều 12. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay**

1. Mức vốn cho vay: Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại khoản 2 Điều này; Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

2. Giới hạn cho vay:

- a) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay;
- b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

### **Điều 13. Phương thức cho vay**

1. Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết hợp đồng tín dụng.

2. Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định mức dư nợ cho vay tối đa đối với khách hàng được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Quỹ thực hiện cho vay theo từng lần nhận nợ. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này.

### **Điều 14. Lãi suất cho vay, đồng tiền cho vay và thu nợ**

1. Lãi suất cho vay phù hợp với chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Nam theo từng giai đoạn cụ thể, đảm bảo nguyên tắc trang trải đủ chi phí hoạt động, phòng ngừa rủi ro của Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất cho vay.

2. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn.

3. Đồng tiền cho vay và thu nợ là đồng Việt Nam.

### **Điều 15. Bảo đảm tiền vay**

1. Quỹ chỉ cho vay khi có tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của Quỹ và quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

### **Điều 16. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

1. Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm biện pháp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định của Quỹ.

## **Mục 2**

### **PHÂN LOẠI NỢ, TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG DỰ PHÒNG RỦI RO VÀ XỬ LÝ RỦI RO**

#### **Điều 17. Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro cho vay**

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay mà Quỹ chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tài chính vi mô và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Sau 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Chủ tịch Quỹ quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh hợp tác xã tỉnh sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay thực hiện theo quy định của Quỹ.

#### **Điều 18. Các biện pháp xử lý rủi ro cho vay**

1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/số tiền trả nợ; gia hạn nợ vay.

2. Miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn.

3. Khoanh nợ; xoá nợ lãi.

4. Xử lý tài sản đảm bảo.

5. Xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng.

6. Các biện pháp xử lý rủi ro khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 19. Hội đồng xử lý rủi ro**

1. Chủ tịch Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch hội đồng và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tín dụng và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro:



a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro;

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

c) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay; xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi đối với những khoản nợ có khả năng không thu hồi đầy đủ nợ gốc;

d) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

đ) Chuẩn bị thủ tục, trình tự, hồ sơ xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

e) Xây dựng quy chế hoạt động nội bộ của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Quỹ ký ban hành.

### **Điều 20. Thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn; khoan nợ; xoá nợ lãi; xoá nợ gốc.

2. Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ xem xét quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro quy định tại khoản 2, Điều 19 Điều lệ này.

3. Chủ tịch Quỹ thực hiện việc miễn, giảm lãi trong hạn, quá hạn; khoan nợ; xoá nợ lãi; xoá nợ gốc đối với từng trường hợp cụ thể sau khi có ý kiến phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ; xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ đối với những khoản nợ có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc.

## **Chương III**

### **QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH; CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUỸ**

#### **Mục 1**

### **QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH**

#### **Điều 21. Quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2. Quyết định việc thành lập, cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, phá sản, giải thể Quỹ theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Quyết định mức vốn điều lệ và phê duyệt điều chỉnh tăng, giảm mức vốn điều lệ của Quỹ trong quá trình hoạt động theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, ý kiến tham gia của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

5. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh Chủ tịch Quỹ theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

6. Ủy quyền cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm các chức danh Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ.

7. Thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện đối với hoạt động của Quỹ.

8. Trong quá trình hoạt động, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh những khó khăn vướng mắc phát sinh; đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp với hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền.

9. Quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 22. Quyền hạn, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Quảng Nam**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; phê duyệt chiến lược; kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm của Quỹ.

2. Xây dựng đề án bổ sung vốn điều lệ của Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Quỹ.

5. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ theo đề nghị của Chủ tịch Quỹ và được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất.

6. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên Quỹ.

7. Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ hợp tác xã theo quy định.

8. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ hàng năm.

9. Thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

**Mục 2****CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY CỦA QUỸ****Điều 23. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ**

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ.
2. Kiểm soát viên.
3. Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

**Điều 24. Chủ tịch Quỹ**

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu, thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Quỹ.

2. Chủ tịch Quỹ do đại diện lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm, có nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ:

- a) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ;
- c) Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;
- d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;

đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Quỹ;

b) Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

c) Báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ.

d) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế về hoạt động cho vay, lãi suất cho vay trong từng thời kỳ, miễn giảm lãi trong hạn và quá hạn, quy định về bảo đảm tiền vay, các hoạt động khác; quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro cho

vay; quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro; quy định về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ; quy chế quản lý tài chính; quy chế về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ; quy chế khen thưởng; quy chế chi tiêu nội bộ; quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thống nhất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và ban hành các quy định về quản trị điều hành khác thuộc thẩm quyền Chủ tịch Quỹ;

đ) Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ.

e) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

g) Trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ hàng năm sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên Quỹ;

h) Thay mặt Quỹ ký nhận vốn, các nguồn lực khác do nhà nước, các tổ chức, cá nhân giao cho Quỹ;

i) Ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Giám đốc Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hiệu quả làm việc của Giám đốc Quỹ;

l) Yêu cầu người điều hành Quỹ cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị;

m) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này;

5. Chủ tịch Quỹ sử dụng bộ máy giúp việc của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ này. Kinh phí hoạt động của Chủ tịch Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

## **Điều 25. Kiểm soát viên Quỹ**

1. Kiểm soát viên Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách, có nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Kiểm soát viên Quỹ giúp Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch Quỹ và Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ và Điều lệ Quỹ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, khoản 3 Điều 24 Điều lệ này;

b) Có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, kinh nghiệm về kiểm soát trong hoạt động tín dụng, am hiểu và có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Kiểm soát viên Quỹ thực hiện theo quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP. Quy chế hoạt động Kiểm soát viên do Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh ban hành.

### **Điều 26. Giám đốc Quỹ**

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ; được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, khoản 3 Điều 24 Điều lệ này;

b) Có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Quỹ mà không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Quỹ;

c) Tổ chức thực hiện các hoạt động của Quỹ;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Quỹ;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Quỹ, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

e) Xây dựng tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Quỹ, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động thực hiện theo khoản 7 Điều 29 của Điều lệ này;

h) Xây dựng phương án tài chính hằng năm và phân phối kết quả tài chính của Quỹ;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ:

a) Điều hành công việc hằng ngày của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Quỹ.

b) Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ.

### **Điều 27. Phó Giám đốc Quỹ**

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ tối đa không quá 02 người.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, khoản 3 Điều 24 Điều lệ này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Quỹ;

b) Thực hiện đúng nội dung uỷ quyền trong thời gian Giám đốc Quỹ vắng mặt;

c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền.

### **Điều 28. Kế toán trưởng Quỹ**

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Kế toán trưởng Quỹ được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, khoản 3 Điều 24 Điều lệ này;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc và Phó Giám đốc Quỹ.

### 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng Quỹ:

- a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp Giám đốc giám sát tài chính của Quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;
- c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc uỷ quyền;
- d) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 29. Bộ máy giúp việc của Quỹ**

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.
2. Chủ tịch Quỹ quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.
4. Giám đốc Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên sau khi có ý kiến của Chủ tịch Quỹ.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện để được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định.
6. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc: Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
7. Tuyển dụng:
  - a) Căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động;
  - b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.
8. Khen thưởng và kỷ luật:
  - a) Các tổ chức cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Quỹ;
  - b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ này và các quy định của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quỹ và/hoặc theo pháp luật có liên quan.

**Chương IV**  
**CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ BẢO MẬT, CÔNG KHAI THÔNG TIN**

**Điều 30. Chế độ tài chính, kế toán**

1. Quỹ tổ chức thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Điều 31. Nguyên tắc quản lý tài chính**

1. Quỹ tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định đối với mô hình do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.
3. Quỹ thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

**Điều 32. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ**

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:
  - a) Vốn điều lệ;
  - b) Các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính;
  - c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
  - d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;
  - đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
  - e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.
2. Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

**Điều 33. Vốn điều lệ của Quỹ**

1. Vốn Điều lệ của Quỹ tại thời điểm chuyển đổi: 112.232.744.476 đồng.
2. Việc bổ sung vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước: Căn cứ vào yêu cầu hoạt động của Quỹ và khả năng cân đối ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bổ sung.

**Điều 34. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ khác**

1. Người quản lý, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của Quỹ được hưởng chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.



2. Người quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng chế độ thù lao, tiền thưởng và chế độ khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

3. Người quản lý làm việc theo chế độ chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

### **Điều 35. Doanh thu của Quỹ**

1. Các khoản thu của Quỹ được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Doanh thu của Quỹ bao gồm:

- a) Thu từ hoạt động nghiệp vụ;
- b) Thu từ hoạt động tài chính;
- c) Các khoản thu khác.

3. Cụ thể các khoản thu của Quỹ theo khoản 2 Điều này được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **Điều 36. Chi phí của Quỹ**

1. Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Chi phí của Quỹ bao gồm:

- a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;
- b) Chi phí hoạt động dịch vụ;
- c) Chi hoạt động khác;
- d) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;
- đ) Chi cho cán bộ, nhân viên Quỹ;
- e) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;
- g) Chi về tài sản;
- h) Chi trích lập dự phòng rủi ro cho vay;
- i) Chi tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã tỉnh, trung ương tổ chức liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- k) Các khoản chi phí khác.

3. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí của Quỹ:

- a) Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;
- b) Các khoản chi phạt của cá nhân do vi phạm hành chính, bao gồm: Vi phạm pháp luật giao thông; vi phạm pháp luật kế toán thống kê và các khoản vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật;
- c) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ;
- d) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ;
- đ) Các khoản chi của cá nhân ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác;
- e) Các khoản chi vượt định mức theo quy định của Bộ Tài chính đối với Quỹ.

4. Cụ thể các khoản chi phí của Quỹ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### **Điều 37. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính**

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính:

- a) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả dương;
- b) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả âm.

2. Khi kết quả tài chính trong năm của Quỹ đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

- a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển;
- b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;
- c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Quỹ:
  - Quỹ xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;
  - Quỹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;
  - Quỹ xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.
- d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên:
  - Quỹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;
  - Quỹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

- Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên.

đ) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a và b khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

### 3. Mục đích sử dụng các quỹ:

a) Quỹ đầu tư phát triển dùng để mua sắm, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động; mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Chủ tịch Quỹ quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp với quy định;

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;

c) Quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên dùng để thưởng cho người quản lý và kiểm soát viên của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ;

d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ trên cơ sở năng suất lao động hoặc thành tích công tác;

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, công trình phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ; chi cho hoạt động phúc lợi khác của Quỹ;

e) Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về mục đích sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính tại quy chế quản lý tài chính, tài sản của Quỹ. Giám đốc Quỹ quy định cụ thể mục đích sử dụng, quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, Quỹ được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 năm. Nếu sau 05 năm, Quỹ không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc giảm hoặc bổ sung vốn điều lệ, cơ cấu, tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Quỹ.

### **Điều 38. Chế độ báo cáo**

1. Kiểm soát viên: Thực hiện báo cáo theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên.

## 2. Giám đốc Quỹ:

Lập các báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm trình Chủ tịch Quỹ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh để theo dõi, giám sát và gửi về Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để tổng hợp theo quy định.

3. Các loại báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Báo cáo tình hình hoạt động cho vay của Quỹ;

d) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 6 tháng gửi chậm nhất trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

b) Báo cáo năm gửi chậm nhất sau 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện gửi chậm nhất sau 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Phương thức gửi báo cáo: theo phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

6. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

7. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

## **Điều 39. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ**

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay;

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ);

c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm;

d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về cho vay, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính..

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

#### **Điều 40. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán**

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của cơ quan Thanh tra, kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ.

#### **Điều 41. Chế độ lưu giữ tài liệu của Quỹ**

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ:

a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các quy chế quản lý nội bộ của Quỹ;

b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;

c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;

d) Báo cáo của Kiểm soát viên, Kết luận của cơ quan thanh tra, Kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

đ) Hồ sơ tín dụng;

e) Tài sản bảo đảm;

g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;

h) Các tài liệu khác theo quy định nội bộ của Quỹ, Điều lệ này và pháp luật liên quan.

2. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 42. Bảo mật và công khai thông tin**

1. Những người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ những thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.

2. Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền.

3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong việc tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

## **Chương V**

### **QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

#### **Điều 43. Quan hệ với Hội đồng nhân dân tỉnh**

Quỹ chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện và quản lý Quỹ theo Quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 44. Quan hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Quỹ chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động của Quỹ.

2. Định kỳ hàng năm và đột xuất, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ theo quy định.

3. Trong quá trình hoạt động, Quỹ kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân phát sinh với Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động của Quỹ.

4. Hàng năm, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả hoạt động của Quỹ, đề xuất những giải pháp khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Định kỳ 6 tháng và hàng năm Quỹ lập và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Quỹ xây dựng, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh để Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành.

#### **Điều 45. Quan hệ với Liên minh Hợp tác xã tỉnh**

1. Quỹ chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo Điều lệ Quỹ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo với Liên minh Hợp tác xã tỉnh để phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả và xếp loại Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 46. Quan hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh và các sở, ngành liên quan.**

1. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của các sở, ngành về các nghiệp vụ, các lĩnh vực liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu quản lý của các sở, ngành liên quan trong tỉnh.

2. Quỹ chịu trách nhiệm tham mưu cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh việc điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ Quỹ trong từng thời kỳ.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh theo quy định tại Điều lệ này.

#### **Điều 47. Quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác**

1. Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp ở trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ hoặc theo đề nghị của các đơn vị này.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- a) Nội dung hợp tác không trái với các quy định của pháp luật;
- b) Bình đẳng, cùng có lợi;
- c) An toàn, hiệu quả.

#### **Điều 48. Giải thể, phá sản và chuyển đổi mô hình**

Thực hiện theo quy định tại các Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50 của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ và theo các quy định pháp luật liên quan.

### **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 49. Điều khoản thi hành**

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ này.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc có quy định mới của pháp luật khác với nội dung Điều lệ này thì quy định đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

#### **Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng và các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh và các thỏa thuận khác.

2. Bộ máy giúp việc, người lao động đang làm việc tại Quỹ được giữ nguyên, tiếp tục công tác tại mô hình mới để đảm bảo tính liên tục, kế thừa và ổn định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ (theo Quyết định số 3533/QĐ- UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Quảng Nam) tiếp tục kéo dài thời gian hoạt động đến ngày 31/12/2023 để thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023 và thực hiện quy trình về công tác cán bộ.

**Điều 51. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình hoạt động, trường hợp có sự thay đổi của pháp luật liên quan đến Điều lệ này, các quy định trong Điều lệ không còn phù hợp với thực tế hoặc cần thay đổi, Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp./.